

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2024

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Danh;
2. Ông Nguyễn Thế Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1974; cư trú: Tổ A, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1981; cư trú: Tổ A, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà C vắng mặt có đơn; ông D vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Ông bà tiến đến hôn nhân là tự tìm hiểu được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D cờ bạc đá gà trên mạng, bà lên tiếng khuyên ngăn vợ chồng phát sinh tranh cãi, ông D ra tay bạo hành, đánh bà nhiều lần dưới sự chứng kiến của chị dâu và anh em trong gia đình. Bà hoảng sợ nên không tiếp tục chung sống với ông D và ly thân từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên không hàn gắn để ông bà tự giải quyết.

Nay, nhận thấy vợ chồng không có khả năng hàn gắn, quay về chung sống cũng không còn hạnh phúc nên bà nộp đơn và kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Thái M, sinh ngày 21/8/2003; Nguyễn Minh N, sinh ngày 09/9/2007 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/9/2007. Hiện nay, cháu M đã trưởng thành có công việc ổn định tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu N và cháu T đang sống cùng ông D, từ ngày 18/3/2024 cháu T được ông D đưa đi cai nghiện tại B. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà đồng ý cho ông D được tiếp tục nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống ông bà có tài sản chung như sau:

- Một chiếc xe gắn máy hiệu Honda Air Blade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 67G1 – 39069, mua vào năm 2016 với giá khoảng 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng), do ông D đứng tên chủ sở hữu.

- Một chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vario 150, màu xám đen, biển kiểm soát 66003. Mua vào năm 2020 với giá khoảng 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng), do bà C đứng tên chủ sở hữu.

- Một chiếc xe gắn máy hiệu Honda Sonic, màu xanh, biển kiểm soát 67G1 90329. Mua vào năm 2020 với giá khoảng 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng), do bà C đứng tên chủ sở hữu.

Tất cả các tài sản trên hiện nay đều do ông D đang quản lý sử dụng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông D. Đồng thời, bà xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì

về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông **D** theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà **C**, ông **D** để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Biên bản xác minh ngày 20/3/2024 tại **Công an xã Q, huyện A, tỉnh An Giang** thể hiện ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1981, có vợ là **Nguyễn Thị C1**, hiện ở **tổ A, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang**.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà **Trần Thị M1** – chị dâu của bà **C1** cho biết hôn nhân của bà **C1** và ông **D** đúng như lời bà **C1** trình bày. Nguyên nhân bà **C1** xin ly hôn là do bạo lực gia đình. Bà **D** và ông **C1** đi làm ăn xa, đến lễ tết mới về thăm gia đình, bà có chứng kiến sự việc vào khoảng 22 giờ ngày 25 Tết nguyên đán Giáp Thìn, bà đang ở nhà thì nghe bà **C1** kêu cứu, khi bước ra cửa thấy bà **C1** bị ông **D** dùng chân đạp vào người khoảng 3 -4 cái, con cái chạy ra can ngăn nhưng không được. Lợi dụng lúc ông **D** đạp hụt chân thì bà **C1** chạy ra đường trốn được, Sau sự việc bà **C1** bị thương tích nhẹ, được đưa đi khám và nằm nghỉ tại nhà. Ngoài ra, bà **C1** và ông **D** còn có 03 con chung, cháu lớn đã có gia đình riêng, hai cháu nhỏ hiện sống cùng ông **D**.

Tại phiên tòa, bà **C1** vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông **D** đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy hôn nhân giữa bà **C1** và ông **D** có mâu thuẫn vợ chồng và không thể hàn gắn được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Minh N**, sinh ngày 09/9/2007 và **Nguyễn Minh T**, sinh ngày 09/9/2007 cho ông **D** tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **C1** đã có ý kiến rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này khi nào bà **C1** và ông **D** có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà **C1** chung sống với ông **D** đến năm 2022 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông **D** hiện có địa chỉ cư trú tại **xã Q, huyện A**. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị C**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà **C** và ông **D** xây dựng gia đình trên hôn nhân tự nguyện được sự đồng ý của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang** nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà **C** vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông **D**. Tại phiên hòa giải, bà **C** yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà **C** vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông **D**. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát phát sinh từ năm 2022 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà **C** cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông **D** cờ bạc đá gà trên mạng, bà lên tiếng khuyên ngăn vợ chồng phát sinh tranh cãi, ông **D** ra tay bạo hành, đánh bà nhiều lần dưới sự chứng kiến của chị dâu và anh em trong gia đình. **C2** sống không hạnh phúc nên bà **C** và ông **D** đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với chứng cứ Tòa án thu thập được. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên **Nguyễn Thị Thái M**, sinh ngày 21/8/2003; **Nguyễn Minh N**, sinh ngày 09/9/2007 và **Nguyễn Minh T**, sinh ngày 09/9/2007. Hiện nay, cháu **M** đã trưởng thành có công việc ổn định tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu **N** và cháu **T** từ khi ly thân sống cùng ông **D**. Từ ngày 18/3/2024 cháu **T** được ông **D** đưa đi cai

nghiện tại **B**, bà không rõ địa chỉ cụ thể. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà đồng ý cho ông **D** được tiếp tục nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi ly thân con chung sống ổn định với ông **D**, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, nhằm không ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu **N** và cháu **T** nên quyết định tiếp tục giao con chung cho ông **D** nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông **D** vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông **D** có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông **D** cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà **C** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà **C** có yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật:

- Một chiếc xe gắn máy hiệu Honda Air Blade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 67G1 – 39069, Mua vào năm 2016 với giá khoảng 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng), do ông **D** đứng tên chủ sở hữu.

- Một chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vario 150, màu xám đen, biển kiểm soát 66003. Mua vào năm 2020 với giá khoảng 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng), do bà **C** đứng tên chủ sở hữu.

- Một chiếc xe gắn máy hiệu Honda Sonic, màu xanh, biển kiểm soát 67G1 90329. Mua vào năm 2020 với giá khoảng 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng), do bà **C** đứng tên chủ sở hữu.

Tại Biên bản hòa giải ngày 25/3/2024, bà **C** tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bà. Bà **C** được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Bà **C** là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

1. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị C.

2. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

3. Về con chung: Ông Nguyễn Văn D được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 09/9/2007 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/9/2007, bà C không cấp dưỡng nuôi con.

Ông D cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009237 ngày 09/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Bà C được hoàn lại 500.000 đồng. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/5/2024) thời hạn kháng cáo của bà C và ông D được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.